

TEACHING GRADE 10 INFORMATICS WITH THE SUPPORT OF MAGIC SCHOOL AI

Dinh Thi Cuc¹, Kieu Phuong Thuy*²

* Corresponding author:
Email: thuykp@hnue.edu.vn

¹ Email: dtcuccv@gmail.com

^{1,2} Hanoi National University of Education
136 Xuan Thuy, Cau Giay ward, Hanoi, Vietnam

Received: 28/10/2025

Revised: 16/11/2025

Accepted: 25/12/2025

Published: 20/01/2026

Abstract: This study evaluates the effectiveness of applying the artificial intelligence platform Magic School AI in teaching grade 10 Informatics. In the context of digital transformation, artificial intelligence has significant potential to support lesson design and assessment. However, studies on AI platforms specifically designed for Informatics at the secondary school level remain limited. The study employed a mixed-methods approach, combining quantitative surveys, theoretical analysis, and an eight-week pedagogical experiment conducted at a high school. Magic School AI was integrated into key instructional activities, including lesson planning, assessment creation, feedback on student work, and differentiated instruction. The results show that the class using Magic School AI achieved a higher mean score of 8.63 (SD = 0.98) than the control class (7.62, SD = 1.24), with the difference being statistically significant ($p < 0.05$). Teachers also reported saving 20 – 30% of preparation time. These findings provide initial evidence of the feasibility and effectiveness of Magic School AI in supporting grade 10 Informatics teaching.

Keywords: *Magic School AI, Grade 10 Informatics, lesson plan, assessment design, differentiated instruction.*

DẠY HỌC MÔN TIN HỌC LỚP 10 VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA MAGIC SCHOOL AI

Dinh Thị Cúc¹, Kiều Phương Thùy*²

* Tác giả liên hệ:
Email: thuykp@hnue.edu.vn

¹ Email: dtcuccv@gmail.com

^{1,2} Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
136, Xuân Thủy, phường Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 28/10/2025

Chỉnh sửa xong: 16/11/2025

Chấp nhận đăng: 25/12/2025

Xuất bản: 20/01/2026

Tóm tắt: Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo Magic School AI trong giảng dạy môn Tin học lớp 10. Trong bối cảnh chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo cho thấy tiềm năng đáng kể trong việc hỗ trợ thiết kế bài dạy và kiểm tra đánh giá. Tuy nhiên, các nghiên cứu về những nền tảng AI chuyên biệt cho môn Tin học ở trường phổ thông còn hạn chế. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp gồm khảo sát định lượng, phân tích lý thuyết và thực nghiệm sư phạm kéo dài 8 tuần tại một trường trung học phổ thông. Magic School AI được tích hợp vào các hoạt động như xây dựng kế hoạch bài dạy, thiết kế đề kiểm tra, phản hồi sản phẩm và phân hóa học sinh. Kết quả cho thấy, lớp sử dụng Magic School AI đạt điểm trung bình 8,63 (SD = 0,98), cao hơn lớp đối chứng (7,62, SD = 1,24), với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Giáo viên cũng tiết kiệm được 20 - 30% thời gian chuẩn bị. Nghiên cứu bước đầu khẳng định tính khả thi và hiệu quả của Magic School AI trong dạy học Tin học lớp 10.

Từ khóa: *Magic School AI, Tin học lớp 10, lập kế hoạch bài dạy, kiểm tra đánh giá, dạy học phân hóa.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đang được triển khai mạnh mẽ nhằm phát triển năng lực số cho học sinh theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ - TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học ngày càng được quan tâm và trở thành xu hướng quan trọng

trong giáo dục. Trên thế giới, nhiều nghiên cứu đã ghi nhận những lợi ích mà AI mang lại cho giáo dục. Sadiku và cộng sự (2021) chứng minh AI giúp tăng cường tương tác và hỗ trợ học sinh tiếp cận nội dung thuận lợi hơn, dù chưa thể thay thế hoàn toàn vai trò sư phạm của giáo viên. Tapalova và cộng sự (2022) đề xuất khung tích hợp AI vào giáo dục thông qua Chatbot và hệ thống học tập cá nhân hóa, đồng thời lưu ý thách thức liên quan đến độ tin cậy dữ liệu

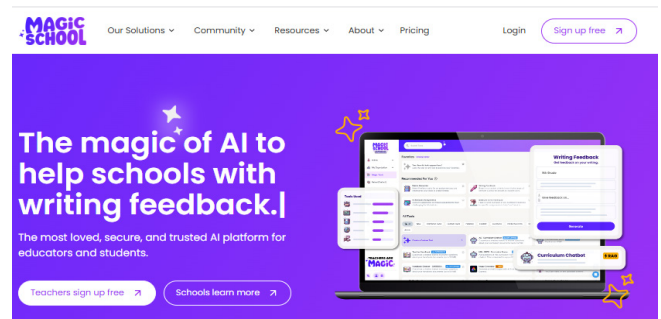
và đạo đức. Chen và cộng sự (2020) cho thấy, việc sử dụng robot và trợ lý ảo có thể nâng cao hứng thú học tập, nhưng bị hạn chế bởi chi phí và yêu cầu kỹ thuật. Raza và Khan (2024) tổng hợp bằng chứng về hiệu quả của AI trong đánh giá tự động và phản hồi học tập nhưng đồng thời chỉ ra rằng, sự khác biệt giữa các môn học làm hạn chế tính phổ quát của các công cụ AI hiện có. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Jantanukul (2024) khẳng định, AI có thể hỗ trợ phát triển chuyên môn giáo viên, song phụ thuộc lớn vào điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về AI trong giáo dục chủ yếu mang tính tổng quan hoặc đề xuất lý thuyết như Nguyễn Thị Hồng Chuyên (Nguyễn Thị Hồng Chuyên, 2023) chỉ ra rằng, các nghiên cứu trong nước còn thiếu thực nghiệm quy mô lớp học. Đỗ Văn Nhơn (Đỗ Văn Nhơn, 2023) nhấn mạnh AI có thể hỗ trợ truy xuất thông tin và đánh giá học sinh nhưng ít nền tảng hỗ trợ toàn diện quá trình dạy học. Một số nghiên cứu tiếp cận theo môn học cụ thể như AI trong học liệu Lịch sử (Đặng Thị Thùy Dương và cộng sự, 2024), trong dạy học Khoa học Tự nhiên (Nguyễn Văn Cường, 2019) hay tại cấp Trung học cơ sở (Nguyễn Minh Giám & Nguyễn Thị Hương Giang, 2022). Tuy nhiên, các nghiên cứu này chỉ tập trung vào một khía cạnh ứng dụng và chưa có công trình nào đánh giá thực nghiệm một nền tảng AI thiết kế chuyên biệt cho giáo viên phổ thông.

Bên cạnh đó, môn Tin học là một môn khoa học nghiên cứu, giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành và phát triển năng lực số cho học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Với định hướng phát triển năng lực toàn diện cho người học, môn Tin học không chỉ đơn thuần cung cấp tri thức về công nghệ, mà còn góp phần hình thành tư duy logic, năng lực xử lý thông tin, làm việc với dữ liệu và giải quyết vấn đề trong môi trường số. Điều này đặt ra yêu cầu cho giáo viên thiết kế bài dạy theo định hướng phát triển năng lực, tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm và phân hóa theo trình độ học sinh. Những yêu cầu này làm gia tăng đáng kể khối lượng chuẩn bị, trong khi giáo viên phổ thông vẫn còn hạn chế về thời gian và công cụ hỗ trợ thiết kế dạy học. Do đó, nhu cầu về một nền tảng AI phù hợp, dễ sử dụng và hỗ trợ trực tiếp các hoạt động giảng dạy là hoàn toàn cần thiết.

Nền tảng Magic School AI được giới thiệu vào năm 2023, (<https://www.magicschool.ai/>) là một nền tảng được tích hợp AI được thiết kế chuyên biệt cho giáo dục nhằm hỗ trợ giáo viên và học sinh trong việc giảng dạy và học tập hiệu quả hơn. Đến nay,

Magic School AI đã nhanh chóng trở thành công cụ được yêu thích bởi hơn 5 triệu giáo viên khi cung cấp hơn 80 công cụ hỗ trợ giáo viên và hơn 50 công cụ dành cho học sinh (Magic School AI, 2023).



Hình 1: Giao diện chính của nền tảng Magic School AI

Từ những lý do trên, nghiên cứu “Dạy học môn Tin học lớp 10 với sự hỗ trợ của Magic School AI” được thực hiện nhằm đánh giá khả năng ứng dụng và hiệu quả của nền tảng này trong thực tế giảng dạy. Nghiên cứu tập trung vào ba nhiệm vụ chính: 1) Khảo sát khó khăn của giáo viên trong dạy học Tin học 10; 2) Đề xuất giải pháp ứng dụng Magic School AI vào xây dựng kế hoạch bài dạy, thiết kế đánh giá và phân hóa học sinh; 3) Thực nghiệm sư phạm để xác định tác động của việc ứng dụng Magic School AI đối với kết quả học tập của học sinh và công việc của giáo viên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo 3 phương pháp chính: 1) Nghiên cứu lý thuyết, 2) Điều tra khảo sát, 3) Thực nghiệm sư phạm.

Phương pháp nghiên cứu lý thuyết được triển khai thông qua phân tích các tài liệu trong và ngoài nước về AI trong giáo dục, dạy học Tin học và các công cụ của Magic School AI, từ đó xác định cơ sở khoa học và lựa chọn các tính năng phù hợp phục vụ thực nghiệm.

Phương pháp điều tra khảo sát nhằm thu nhập thông tin về những khó khăn giáo viên gặp phải trong quá trình giảng dạy môn Tin học đối với 3 hoạt động chính: Xây dựng kế hoạch bài dạy; Kiểm tra, đánh giá học sinh; Phân hóa theo năng lực học sinh. Bộ câu hỏi được thiết kế theo thang Likert 5 mức, thực hiện bằng Google Forms trên 120 giáo viên trong thời gian từ ngày 06 tháng 01 năm 2025 đến ngày 19 tháng 01 năm 2025 và phỏng vấn trực tiếp 3 giáo viên, 2 giáo sinh tại Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai.

Phương pháp thực nghiệm sư phạm tiến hành

trong 8 tuần tại Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai. Tiến hành thực nghiệm với hai lớp học tương đồng, giáo viên sẽ sử dụng công cụ hỗ trợ việc lập kế hoạch bài dạy, thiết kế kiểm tra, phản hồi và phân hóa theo năng lực của học sinh. Kết quả học tập sẽ được phân tích, đánh giá bằng bài kiểm tra chung, sử dụng kiểm định T-test độc lập.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng khó khăn của giáo viên trong giảng dạy Tin học 10

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, giáo viên Tin học lớp 10 đang đối mặt với nhiều thách thức trong các hoạt động giảng dạy cốt lõi. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất giải pháp ứng dụng Magic School AI nhằm hỗ trợ giải quyết những khó khăn này.

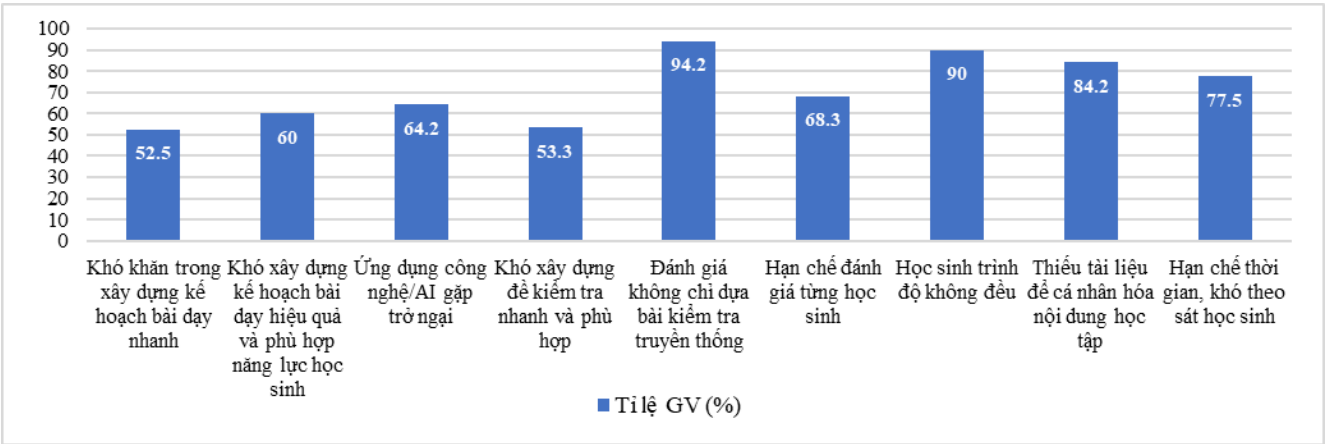
Các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến khó khăn của giáo viên có thể được chia thành ba nhóm chính: 1) Xây dựng kế hoạch bài dạy (70%), 2) Kiểm tra - đánh giá học sinh (65%), 3) Phân hóa học sinh theo năng lực (79,2%). Các dữ liệu này được thể hiện rõ ràng trong Biểu đồ 1.

3.2. Thiết kế giải pháp cụ thể bằng Magic School AI

Với mỗi nhóm khó khăn, nghiên cứu đề xuất sử dụng các công cụ hỗ trợ tương ứng trong Magic School AI, cho phép giáo viên triển khai các hành động cụ thể nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy, đồng thời tiết kiệm thời gian và công sức trong quá trình thực hiện. Bảng 1 dưới đây trình bày mối liên hệ giữa từng khó khăn thực tiễn với công cụ AI hỗ trợ.

Từ bảng thiết kế giải pháp, có thể thấy nền tảng Magic School AI cung cấp một hệ thống công cụ đa dạng, tích hợp cao, giúp giải quyết hiệu quả các khó khăn mà giáo viên Tin học lớp 10 gặp phải. Nền tảng này không chỉ là một tập hợp các công cụ độc lập, mà là một giải pháp toàn diện hỗ trợ giáo viên qua toàn bộ chu trình giảng dạy, từ lập kế hoạch bài dạy, tổ chức dạy học, kiểm tra và đánh giá, đến phản hồi và điều chỉnh nội dung học tập.

Nghiên cứu chi tiết đối với từng công cụ của Magic School AI, bao gồm việc ứng dụng các công cụ trong thiết kế bài dạy, kiểm tra và đánh giá học sinh, phân hóa học sinh theo năng lực và phản hồi học tập được trình bày trong phần tiếp theo.



Biểu đồ 1: Mức độ ảnh hưởng những khó khăn đối với giáo viên

Bảng 1: Thiết kế giải pháp ứng dụng Magic School AI trong giảng dạy Tin học 10

Khó khăn thực tiễn	Giải pháp công cụ đề xuất	Hành động cụ thể
Xây dựng kế hoạch bài dạy		
Khó khăn trong thiết kế kế hoạch bài dạy.	5E Model Lesson Plan.	Nhập thông tin bài học (tên bài học, mục tiêu), công cụ sẽ gợi ý các hoạt động dạy học tương ứng với từng pha của mô hình 5E (Engage, Explore, Explain, Elaborate, Evaluate). Công cụ gợi ý các câu hỏi, hoạt động phù hợp với mục tiêu bài học nhằm kích thích sự tham gia của học sinh.
Kiểm tra, đánh giá học sinh		

Khó khăn thực tiễn	Giải pháp công cụ đề xuất	Hành động cụ thể
Tạo đề kiểm tra phù hợp với năng lực học sinh.	Multiple Choice Quiz, Assessment Generator.	Nhập thông tin bài học cần tạo câu hỏi, công cụ sẽ tự động tạo ra bộ câu hỏi phân hóa theo các mức độ tư duy. Các đề kiểm tra được xây dựng được dựa trên mức độ tư duy của học sinh theo khung Bloom, hỗ trợ phân hóa trong đánh giá.
Thiếu thời gian phản hồi chi tiết bài làm.	Writing Feedback Tool.	Nhập bài làm của học sinh, công cụ sẽ phân tích và cung cấp phản hồi chi tiết theo các tiêu chí đưa ra, tạo các phản hồi cá nhân hóa một cách kịp thời.
Phân hóa học sinh theo năng lực		
Khó phân hóa bài tập theo trình độ học sinh	DOK Questions Generator	Nhập nội dung cần xây dựng bài tập, công cụ sẽ tạo ra các câu hỏi phân hóa học sinh theo bốn mức độ tư duy nhận thức (Recall, Skill/Concept, Strategic Thinking, Extended Thinking).
Thiếu công cụ theo dõi tiến độ học tập cá nhân	Report Card Comments Tool	Nhập thông tin của học sinh, công cụ sẽ tự động báo cáo về tiến độ học tập của học sinh, giúp giáo viên theo dõi và đánh giá quá trình học tập của học sinh nhằm đưa ra những hỗ trợ học tập kịp thời.

3.2.1. Thiết kế bài giảng bằng công cụ 5E Model Lesson Plan

a. Mô hình 5E

Mô hình dạy học 5E (Engage - Explore - Explain - Elaborate - Evaluate) là một mô hình dạy học theo hướng kiến tạo, được phát triển bởi Roger Bybee và các cộng sự tại Trung tâm nghiên cứu chương trình khoa học Hoa Kỳ (BSCS) vào cuối những năm 1980 (Bybee, R. W và các cộng sự, 2006). Mô hình này đã được triển khai rộng rãi trong các chương trình giáo dục khoa học và STEM trên thế giới và ngày càng được quan tâm áp dụng trong giáo dục Việt Nam. Cốt lõi của mô hình là tạo ra một chuỗi hoạt động học tập có tính liên kết chặt chẽ, giúp học sinh xây dựng và vận dụng kiến thức một cách tích cực và chủ động.

Mô hình gồm năm pha: 1) Giai đoạn Engage (Khởi động) - Khởi gợi hứng thú, kết nối kiến thức cũ và đặt vấn đề; 2) Explore (Khám phá) - Học sinh tham gia vào các hoạt động tìm tòi, trải nghiệm nhằm hình thành ý tưởng ban đầu về kiến thức mới; 3) Explain (Giải thích) - Học sinh trình bày, thảo luận và giáo viên chuẩn hóa kiến thức; 4) Elaborate (Mở rộng) - Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào các tình huống mới, qua đó mở rộng tư duy và hiểu biết; 5) Evaluate (Đánh giá) - Học sinh tự đánh giá hoặc được đánh giá để xác định mức độ nắm vững kiến thức và kỹ năng.

Trong số nhiều công cụ hỗ trợ lập kế hoạch bài dạy được tích hợp trong Magic School AI như Lesson

Plan Generator, Unit Plan Generator hay Project - Based Learning (PBL), công cụ 5E Model Lesson Plan được lựa chọn để áp dụng vào thực tế giảng dạy vì có tính phù hợp cao với định hướng phát triển năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Việc sử dụng công cụ 5E Model Lesson Plan đã hỗ trợ giáo viên gặp khó khăn trong quá trình xây dựng kế hoạch bài dạy (70%), đảm bảo cấu trúc tiết học được thiết kế hợp lý, rõ ràng và khoa học, tương ứng với tiến trình dạy học từ khởi động - hình thành kiến thức - luyện tập - vận dụng.

b. Cách thức sử dụng công cụ 5E Model Lesson Plan

Để thực hiện tạo kế hoạch bài dạy theo mô hình 5E, giáo viên sẽ nhập các thông tin bao gồm: Grade level (Khối lớp); Topic, Standard, or Objective (Chủ đề, Mục tiêu bài học); Additional Customization (Tùy chỉnh thêm); Standards Set to Align to (Tiêu chuẩn cần căn chỉnh - Tùy chọn).

Ngoài cách nhập trực tiếp các thông tin thì giáo viên có thể tải lên tệp đính kèm là sách giáo khoa, tài liệu tham khảo (nếu có) có định dạng .pdf, .doc, pptx... để nội dung có thể bám sát nhất với chương trình học. Sau khi nhập đầy đủ thông tin chọn "Generate" để tạo nội dung.

Từ kết quả bài dạy được xây dựng bằng công cụ theo mô hình 5E, giáo viên sẽ tiến hành điều chỉnh và chuyển đổi nội dung sao cho phù hợp và theo mẫu chuẩn của Công văn 5512. Giáo viên sẽ phân

5E Model Lesson Plan

Generate a 5E model lesson plan for your science class. Engage, Explore, Explain, Elaborate, Evaluate.

Grade level: *

10th grade

Topic, Standard, or Objective: *

mitosis, an NGSS standard, specific concept

If you include the full description, you can use any standard worldwide. For example, "HS-PS1-1 Use the periodic table as a model to predict the relative properties of elements based on the patterns of electrons in

Get Help With Prompt

Additional Customization (Optional):

Include hands-on activities, add group work, etc.

Get Help With Prompt

Standards Set to Align to (Optional):

Any standards worldwide (CCSS, TEKS, Ontario, Florida)

Web Search

Generate

Hình 2: Giao diện công cụ 5E Model Lesson Plan

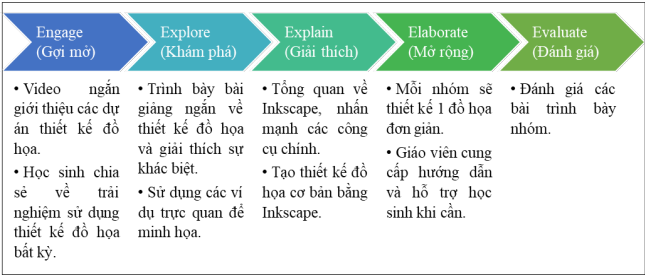
Bảng 2: Đối chiếu tiến trình dạy học với các bước trong mô hình 5E

Tiến trình dạy học	Mô hình 5E
Khởi động	Mô hình 5E (Engage - Khởi động)
Hình thành kiến thức	Mô hình 5E (Explore - Khám phá, Explain - Giải thích)
Luyện tập	Mô hình 5E (Elaborate - Vận dụng)
Vận dụng	Mô hình 5E (Elaborate - Vận dụng, Evaluate - Đánh giá)

tích từng pha của mô hình 5E sao cho phù hợp tiến trình trong kế hoạch bài dạy. Bảng 2 gợi ý đối chiếu giữa các giai đoạn trong mô hình 5E với tiến trình dạy học thực tế.

3.2.2. Tạo bài kiểm tra, đánh giá

Trong quá trình xây dựng đề kiểm tra đánh giá môn Tin học lớp 10, việc thiết kế các bộ đề phù hợp với năng lực của học sinh là một trong những yêu cầu quan trọng nhưng cũng đầy thách thức đối với giáo viên (65%). Nhằm hỗ trợ tối ưu hóa quá trình này, công cụ Multiple Choice Quiz trong Magic School AI được lựa chọn để tích hợp vào dạy học với tính năng tự động sinh đề kiểm tra trắc nghiệm dựa trên nội dung bài học, cấp lớp. Điểm mạnh của



Biểu đồ 2: Tiến trình theo chuẩn 5E Tin học 10_ Chủ đề 4_Bài 12: Phần mềm thiết kế đồ họa

Bài 5_Nội dung 1 - Các giá trị chân lý và các phép toán logic			
1. Giá trị chân lý của một mệnh đề có thể là: A. Đúng hoặc Có B. Sai hoặc Không C. Đúng hoặc Sai D. 0, 1 hoặc 2	3. Phép toán logic nào cho kết quả "Đúng" khi cả hai mệnh đề đều đúng? A. OR B. XOR C. AND D. Tất cả đều sai	4. Phép toán logic nào cho kết quả "Đúng" khi hai mệnh đề có giá trị khác nhau? A. AND B. OR C. XOR D. NOT	
2. Trong biểu diễn số của giá trị logic, giá trị "Đúng" tương ứng với số nào? A. -1 B. 0 C. 2 D. 1	5. Xét hai mệnh đề sau: p: "Mai học giỏi toán" q: "Mai thích môn toán". Mệnh đề nào sau đây thể hiện p AND q? A. Mai học giỏi toán hoặc thích môn toán B. Mai không học giỏi toán nhưng thích môn toán C. Mai học giỏi toán và thích môn toán D. Mai không học giỏi toán và không thích môn toán		

Hình 3: Bộ câu hỏi trắc nghiệm cho Chủ đề 1_Bài 5: Dữ liệu logic

công cụ này là khả năng tạo ra các câu hỏi được phân tầng theo khung năng lực tư duy Bloom (nhận biết, thông hiểu, vận dụng), cho phép giáo viên dễ dàng thiết kế các bài kiểm tra phân hóa theo từng nhóm học sinh.

Kết quả trả ra của Magic School AI đã phần nào phù hợp với nội dung phần kiến thức bài học, bao gồm giá trị logic và các phép toán cơ bản trong logic. Trong đó, các câu hỏi 1 - 2 - 3 - 4 ở mức độ nhận biết; câu hỏi 5 mức độ thông hiểu. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế cần lưu ý như: Hiện nay trong xây dựng kiểm tra đánh giá khuyến khích giáo viên không nên sử dụng phương án tất cả đều đúng hoặc tất cả đều sai. Chính vì vậy, kết quả được AI trả ra cần có sự điều chỉnh của giáo viên sao cho phù hợp hơn.

3.2.3.Hỗ trợ phản hồi, đánh giá bài làm

Trong số các công cụ hỗ trợ đánh giá và phản hồi học sinh trên Magic School AI như Assessment Generator hay Quick Feedback Tool, Writing Feedback Tool được lựa chọn vì mang lại phản hồi chi tiết, có chiều sâu và phù hợp với định hướng phát triển năng lực viết cho học sinh. Khác với các

Bảng 3: Rubric đánh giá điểm bài làm của học sinh

Tiêu chí đánh giá	Mô tả cụ thể	Điểm tối đa
1. Tính đúng của chương trình	Chương trình chạy không lỗi, in đúng tổng	4 điểm
2. Sử dụng đúng vòng lặp for	Vòng lặp từ 1 đến n, logic lặp chính xác	2 điểm
3. Sử dụng đúng cấu trúc rẽ nhánh if để phân biệt chẵn/lẻ	Phân biệt đúng số chẵn và lẻ, cộng đúng vào tổng	2 điểm
4. Giao diện rõ ràng, có thông báo đầu vào/đầu ra cho người dùng	Có hướng dẫn nhập, in kết quả dễ hiểu	1 điểm
Tổng điểm		10 điểm

công cụ chỉ đánh giá tổng thể hoặc đưa ra nhận xét nhanh, Writing Feedback Tool cho phép giáo viên nhận xét cụ thể từng phần trong bài theo tiêu chí mong muốn. Việc sử dụng công cụ không chỉ hỗ trợ giáo viên trong việc đánh giá mà còn đóng vai trò như một người hướng dẫn, giúp học sinh từng bước nâng cao kỹ năng viết, điều rất cần thiết khi các em thực hiện các bài mô tả quy trình, viết báo cáo thực hành hoặc trình bày ý tưởng sản phẩm trong môn Tin học lớp 10.

Để sử dụng công cụ này, giáo viên thực hiện theo các bước: 1) Grade level - Cấp học; 2) Describe the assignment - Mô tả yêu cầu bài viết; 3) Type of Feedback or Rubric - Tiêu chí phản hồi. (4) Additional instructions - Hướng dẫn thêm cho phản hồi; 5) Insert the writing you want feedback on - Chèn bài viết học sinh cần phản hồi.

Một minh họa cho hoạt động đánh giá bài làm học sinh sau khi học xong Bài 20: Câu lệnh lặp for.

Xây dựng rubric tiêu chí đánh giá bài làm của học sinh và nhập bài làm của học sinh.

Bài làm của học sinh:

Học sinh 1	Học sinh 2
<pre> 1 n = int(input("Nhập số nguyên dương n: ")) 2 tong_chan = 0 3 tong_le = 0 4 5 for i in range(1, n + 1): 6 if i % 2 == 0: 7 tong_chan += i 8 else: 9 tong_le += i 10 11 print("Tổng các số chẵn:", tong_chan) 12 print("Tổng các số lẻ:", tong_le) </pre>	<pre> 1 n = int(input("Nhập n: ")) 2 tongchan = 0 3 tongle = 0 4 5 for i in range(1, n + 1): 6 if i % 2 == 0: 7 tongchan = tongchan + i 8 else: 9 tong_le += i 10 11 print("Tổng chẵn:", tongchan) 12 print("Tổng lẻ:", tongle) </pre>

Kết quả trả ra từ công cụ:

Họ tên	Đáp ứng yêu cầu đề bài	Điểm mạnh	Điểm cần cải thiện	Đánh giá chung
--------	------------------------	-----------	--------------------	----------------

Học sinh 1	- Tính đúng: 3.5/4đ - Vòng lặp for: 2/2đ - Cấu trúc if: 2/2đ - Giao diện: 2/2đ	- Sử dụng for, if - else đúng cách - Thụt lề chuẩn - Code rõ ràng, dễ đọc	- Có thể bổ sung kiểm tra n > 0	Bài làm tốt (9.5 điểm)
Học sinh 2	- Tính đúng: 2.5/4đ - Vòng lặp for: 2/2đ - Cấu trúc if: 1.5/2đ - Giao diện: 1.5/2đ	- Hiểu cách dùng for - Biết dùng if - else	- Lỗi thụt lề nghiêm trọng - Sai tên biến (tong_lee) - Không nhất quán cách đặt tên	Bài làm khá (7.5 điểm)

3.2.4. Phân hóa theo năng lực học sinh

a. Tư duy nhận thức theo khung DOK (Depth of Knowledge)

Trong giáo dục hiện đại, tư duy nhận thức của học sinh không chỉ được đánh giá qua việc ghi nhớ mà còn qua khả năng phân tích, vận dụng và sáng tạo. Một thước đo được sử dụng để phân loại mức độ nhận thức trong học tập là khung DOK - Depth of Knowledge (Webb, N. L., 2002), do Norman L. Webb phát triển vào năm 1997 tại Trung tâm nghiên cứu giáo dục Wisconsin (University of Wisconsin - Madison).

Khung DOK chia quá trình nhận thức thành bốn cấp độ:

DOK 1 - Ghi nhớ (Recall): Học sinh nhớ lại các thông tin đơn giản như thuật ngữ, định nghĩa.

DOK 2 - Kỹ năng và khái niệm (Skill/Concept): Học sinh áp dụng các kỹ năng hoặc khái niệm vào

tính hướng quen thuộc, có yêu cầu phân loại, so sánh, tổ chức dữ liệu.

DOK 3 - Suy nghĩ chiến lược (Strategic Thinking): Học sinh vận dụng tư duy phân tích, lí giải để giải quyết vấn đề.

DOK 4 - Tư duy mở rộng (Extended Thinking): Học sinh tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực, thiết kế giải pháp sáng tạo, thực hiện hoặc đánh giá một dự án.

Đối chiếu các mức độ nhận thức DOK với thang đo Bloom Việt Nam sử dụng trong kiểm tra, đánh giá cho thấy sự tương thích tương đối, cụ thể: 1) DOK 1 - Nhận biết, 2) DOK 2 - Thông hiểu, 3) DOK 3 và 4 - Vận dụng. Việc phân chia các mức độ nhận thức như trên sẽ giúp giáo viên dễ dàng hơn trong xây dựng nội dung, câu hỏi theo các mức độ phân hóa học sinh.

b. Cách thức sử dụng công cụ DOK Questions

Khác với những công cụ khác thường tạo câu hỏi ở dạng trắc nghiệm hoặc đánh giá nhanh, DOK Questions Generator giúp giáo viên tạo các câu hỏi có chiều sâu tư duy rõ rệt (79,2% giáo viên khó khăn trong phân hóa theo năng lực học sinh), chia theo 4 mức độ.

Để tạo bộ câu hỏi, giáo viên sẽ nhập thông tin về cấp lớp (Grade level) và nhập nội dung hoặc mục tiêu bài học (Topic, Standard, or Objective). Sau đó chỉ cần chọn “Generator” để tạo bộ câu hỏi.

Hình 4: Giao diện công cụ DOK Questions

3.2.5. Theo dõi tiến độ học tập cá nhân

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có thể sử dụng lớp học trên nền tảng Magic School AI để theo dõi và đánh giá hoạt động học tập của học sinh một cách trực quan và liên tục.

Để tạo lớp học trên nền tảng, giáo viên sử dụng tính năng MagicStudent và chọn “Create New Room” và thực hiện theo 3 bước sau:

1) Details: Nhập thông tin lớp học bao gồm tên

phòng, khối lớp và số lượng học sinh tối đa trong 1 lớp.

2) Tools: Chọn công cụ cho phép học sinh có thể sử dụng trong lớp học.

3) Configure: Cài đặt chi tiết về công cụ.

Hình 5: Giao diện tạo lớp học trên nền tảng Magic School AI

Bên cạnh đó, hệ thống còn lưu lại lịch sử hoạt động học tập, tạo điều kiện cho việc đánh giá quá trình thay vì chỉ đánh giá kết quả cuối cùng. Đây là một bước quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ vào dạy học theo định hướng phát triển năng lực và cá nhân hóa học tập.

Thông qua hệ thống, giáo viên quan sát được cụ thể học sinh đã tương tác với trợ lý AI như thế nào: Các câu hỏi mà học sinh đặt ra, nội dung mà học sinh yêu cầu trợ giúp, thời gian tương tác cũng như mức độ hiểu bài thể hiện qua sản phẩm học tập. Điều này không chỉ giúp giáo viên nắm bắt được mức độ tiếp thu và nhu cầu học tập cá nhân của từng học sinh, mà còn hỗ trợ kịp thời khi học sinh gặp khó khăn.

Hình 6: Đánh giá hoạt động của học sinh sau khi tương tác với hệ thống

Mặc dù hệ thống lớp học ảo trên Magic School AI cung cấp nhiều công cụ hỗ trợ hiệu quả trong việc theo dõi tiến độ học tập của học sinh. Tuy nhiên, việc

đánh giá năng lực học sinh một cách toàn diện vẫn cần kết hợp chặt chẽ với quá trình quan sát trực tiếp của giáo viên trên lớp. Các dữ liệu AI thu thập chủ yếu dựa vào sản phẩm học tập số, trong khi thái độ học tập, khả năng hợp tác và tiến bộ cá nhân của học sinh thường chỉ được nhận diện rõ ràng thông qua sự tương tác thực tế trong giờ học.

3.3. Thực nghiệm và đánh giá hiệu quả của Magic School AI

3.3.1. Đối tượng, thời gian, nội dung và tiến trình thực nghiệm

Để đánh giá hiệu quả của nền tảng trong giảng dạy môn Tin học lớp 10, tiến hành thực nghiệm sư phạm tại Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai, Phú Diễn, Hà Nội trong 8 tuần (từ ngày 03 tháng 02 năm 2025 đến ngày 30 tháng 03 năm 2025). Trong đó, đối tượng tham gia gồm 03 thầy/cô giáo và 02 giáo sinh (Ngành Sư phạm Tin học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) dạy môn Tin học.

Lớp thực nghiệm: 02 lớp trong đó lớp 10A5 có 52 học sinh, lớp 10A6 có 52 học sinh. Hai lớp thuộc ban A1 với trình độ tương đồng được phân nhóm như sau: lớp thực nghiệm (10A6) giáo viên và giáo sinh sử dụng Magic School AI để hỗ trợ trong toàn bộ quá trình dạy học; lớp đối chứng (10A5) giáo viên giảng dạy cùng tiến trình, không có sự hỗ trợ của Magic School AI.

Sơ đồ tiến trình thực nghiệm sư phạm được ở Hình 7 mô tả trình tự các hoạt động được triển khai trong quá trình nghiên cứu. Thực nghiệm bắt đầu từ

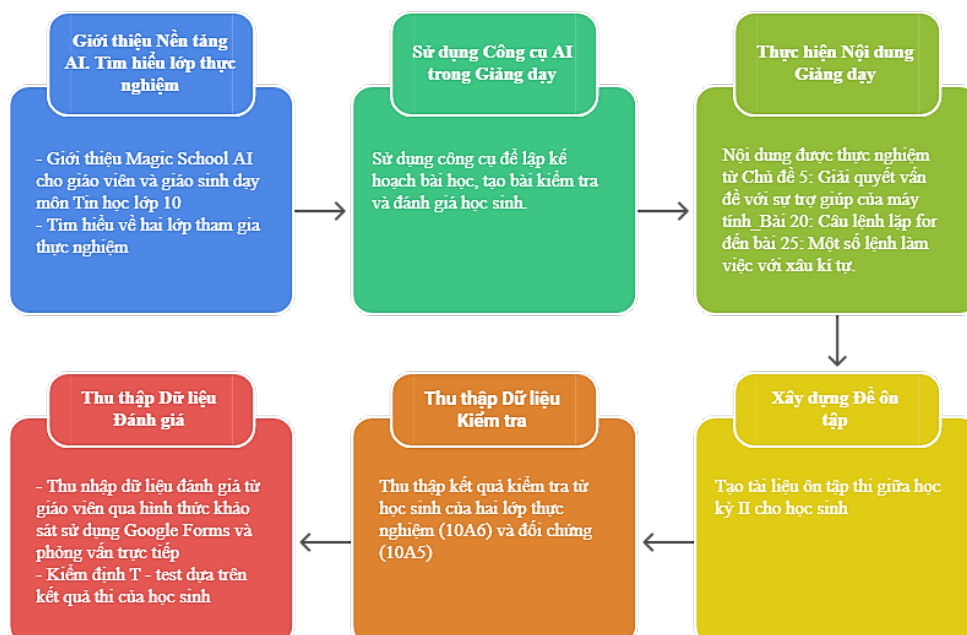
tuần đầu tiên với giới thiệu nền tảng và tìm hiểu đặc điểm của lớp thực nghiệm nhằm chuẩn bị điều kiện cần thiết cho việc triển khai dạy học. Tiếp theo, từ tuần thứ 2 đến tuần thứ 6 sử dụng các công cụ trong nền tảng vào các hoạt động giảng dạy để hỗ trợ giáo viên. Đồng thời, học sinh cũng được sử dụng công cụ để tham gia vào lớp học ảo dưới sự giám sát của giáo viên. Sau khi hoàn thành giai đoạn giảng dạy, thu nhập dữ liệu thông qua bài kiểm tra của học sinh tại tuần thứ 7 làm cơ sở cho việc phân tích và xử lý số liệu ở giai đoạn cuối cùng của thực nghiệm.

3.3.2. Kết quả thực nghiệm

Qua quá trình thực nghiệm sư phạm, nghiên cứu đi đến một số nhận định (xem Bảng 4).

Đối với giáo viên và giáo sinh thực tập: Từ kết quả thu nhận được và phỏng vấn trực tiếp thì có 100% giáo viên và giáo sinh khẳng định việc sử dụng Magic School AI giúp giảm trung bình 20 - 30% thời gian soạn kế hoạch bài dạy, tạo các câu hỏi. Các giáo viên đều đánh giá công cụ có giao diện thân thiện, tính năng đa dạng và đặc biệt là hỗ trợ hiệu quả việc cá nhân hóa nội dung học tập. Giáo viên cảm thấy tự tin hơn trong việc tích hợp công nghệ vào bài dạy và sẵn sàng sử dụng công cụ này trong các học kỳ sau.

Đối với học sinh: Qua quan sát trực tiếp và khảo sát sau giờ học, nhận thấy 79% học sinh lớp thực nghiệm có sự tập trung và tiếp nhận bài học tốt hơn phần nào cho thấy việc sử dụng công cụ hỗ trợ đã làm tăng hiệu quả học tập của học sinh, trong đó phân hóa bài tập đã giúp học sinh trung bình và yếu dễ tiếp cận



Hình 7: Tiến trình thực nghiệm Sư phạm trong thời gian 8 tuần

Bảng 4: Kết quả khảo sát, đánh giá từ giáo viên và giáo sinh sau khi sử dụng Magic School AI

Yếu tố	Tiêu chí	Điểm trung bình theo thang 5
Xây dựng kế hoạch bài dạy	Tiết kiệm thời gian xây dựng kế hoạch bài dạy	4,8
	Nội dung phù hợp với chương trình học	4,4
	Bài dạy có sự phân hóa phù hợp với năng lực học sinh	4,8
	Bài dạy có sự ứng dụng công nghệ mới	4,2
Kiểm tra, đánh giá học sinh	Tiết kiệm thời gian chấm bài kiểm tra	4
	Đề kiểm tra phù hợp với trình độ học sinh	4,8
	Tiết kiệm thời gian tạo đề kiểm tra	4,6
	Đánh giá học sinh nhanh chóng, chính xác.	4,4
Phân hóa học sinh theo năng lực	Học sinh có sự tiến bộ trong học tập	4,4
	Phù hợp cá nhân hóa nội dung học tập của học sinh	4,8
	Tiết kiệm thời gian đánh giá học sinh	4,4
	Theo dõi được tiến độ học tập của học sinh	4,2

Bảng 5: Điểm trung bình giữa học kì 2 của lớp 10A5 và 10A6

	Lop	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
TB	10A6	52	8,6346	,98451	,13653
	10A5	52	7,6202	1,23718	,17157

Bảng 6: Kiểm tra T – test sau thực nghiệm

	F	Sig.	t	df	Sig. (2 – tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
								Lower	Upper
Equal variances assumed	2,531	,115	4,63	102	,000	1,01442	,21926	,57952	1,44932
Equal variances not assumed			4,63	97,12	,000	1,01442	,21926	,57926	1,44959

nội dung, trong khi học sinh khá giỏi có cơ hội mở rộng kiến thức.

Kiểm tra T-test giữa hai lớp 10A5 (lớp đối chứng) và 10A6 (lớp thực nghiệm) kết quả cho thấy điểm trung bình giữa học kì II của học sinh lớp 10A6 đạt 8,63 (SD = 0,98), trong khi lớp 10A5 đạt 7,62 (SD = 1,24). Như vậy, sự chênh lệch trung bình giữa hai nhóm là 1,01 điểm, cho thấy dấu hiệu rõ ràng về sự khác biệt trong kết quả học tập giữa hai phương pháp giảng dạy với mức ý nghĩa $p = 0,000 (< 0,05)$.

Điều này khẳng định rằng, sự khác biệt về điểm trung bình giữa hai lớp có ý nghĩa thống kê. Ngoài ra, khoảng tin cậy 95%, cho chênh lệch trung bình dao động từ 0,579 đến 1,449 càng củng cố cho kết luận rằng việc sử dụng Magic School AI đã góp phần cải thiện đáng kể kết quả học tập của học sinh.

4. Kết luận

Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, việc ứng dụng nền tảng Magic School AI trong dạy học môn Tin

học lớp 10 mang lại hiệu quả rõ rệt cả về mặt nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và kết quả học tập của học sinh. Cụ thể, Magic School AI hỗ trợ giáo viên trong việc thiết kế kế hoạch bài dạy, tạo đề kiểm tra đánh giá, phân hóa học sinh theo năng lực và cá nhân hóa quá trình học tập, giúp tiết kiệm thời gian chuẩn bị và đánh giá. Các kết quả thực nghiệm cho thấy, lớp học sử dụng Magic School AI đạt điểm trung bình cao hơn lớp đối chứng với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Các giáo viên cũng nhận xét rằng, nền tảng này giúp giảm khoảng 20 - 30% thời gian chuẩn bị bài giảng và đánh giá.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 - Môn Tin học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 131/QĐ-TTg)*.
- Bybee, R. W. (2006). *The BSCS 5E instructional model and 21st century skills*. BSCS.
- Chen, L., Chen, P. & Lin, Z. (2020). *Artificial intelligence in education: A review*. *IEEE Access*, 8, pp.75264-75278. <https://doi.org/10.1109/ACCESS.2020.2988510>
- Chính phủ Việt Nam. (2020). *Quyết định số 749/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*. Văn phòng Chính phủ. Retrieved from <https://chinhphu.vn/default.aspx?docid=200163&pageid=27160>
- Đặng Thị Thùy Dương, Trương Trung Phương, Trần Ngọc Thìn & Nguyễn Thị Thái Bình. (2024). Ứng dụng AI để thiết kế học liệu môn Lịch sử ở trường phổ thông. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, 98(1), tr.34-41.
- Đỗ Văn Nhon. (2023). Hệ thống AI hỗ trợ giáo dục: Cơ hội cải thiện việc truy xuất thông tin và đánh giá năng lực học sinh. *Tạp chí Phát triển Khoa học Công nghệ Giáo dục*, 10(4), tr.58-63.
- Jantanukul, W. (2024). The role of AI in improving teacher professional development and student engagement. *Journal of Educational Technology Development and Exchange*, 17(2), tr.88-102.
- Magic School AI. (2023). *5E Model Lesson Plan Generator*. Retrieved from <https://www.magicschool.ai/tools/lesson-plan>
- Magic School AI. (2023). *About Us*. Retrieved from <https://www.magicschool.ai/about>
- Magic School AI. (2023). *Magic Tools for Teachers*. Retrieved from <https://www.magicschool.ai/magic-tools>
- Magic School AI. (2023). *MagicSchool FAQs*. Retrieved from <https://www.magicschool.ai/faq>
- Magic School AI. (2023). *Why Educators Love Magic School*. Retrieved from <https://www.magicschool.ai/magicschool>
- Tuy nhiên, như đã đề cập, AI không thể thay thế hoàn toàn giáo viên, giáo viên phải là người làm chủ kiến thức, làm chủ phương pháp dạy học; việc sử dụng AI cần được cân nhắc kỹ lưỡng để đảm bảo tính chính xác và phù hợp với nhu cầu của từng học sinh. Nghiên cứu cũng còn tồn tại một số hạn chế như quy mô khảo sát nhỏ và thời gian thực nghiệm ngắn. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng quy mô và đa dạng hóa các môn học và cấp học để có thể đưa ra những kết luận toàn diện hơn về tác động lâu dài của AI trong giáo dục.
- Nguyễn Minh Giám & Nguyễn Thị Hương Giang. (2022). Nhu cầu tích hợp trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy tại các trường trung học cơ sở. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội* (115), tr.45-49.
- Nguyễn Thị Hồng Chuyên. (2023). Tổng quan nghiên cứu sử dụng AI trong dạy học: Phân tích dữ liệu từ cơ sở Scopus. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 29(3), tr.67-75.
- Nguyễn Văn Cường. (2019). *Dạy học theo định hướng phát triển năng lực trong môn Khoa học Tự nhiên*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Raza, M. M. & Khan, S. A. (2024). Innovations and challenges in integrating AI in education: A systematic review. *Educational Technology & Society*, 27(1), pp.40-53.
- Sadiku, M. N. O., Eze, T. A. & Musa, S. M. (2021). Artificial intelligence in education: Benefits and challenges. *International Journal of Engineering Research and Advanced Technology*, 7(1), pp.1-4.
- Tapalova, N., Rybakina, L. & Khripunova, E. (2022). A conceptual framework for artificial intelligence in education. *Journal of Physics: Conference Series*, 2317(1), 012110.
- Tomlinson, C. A. (2014). *The differentiated classroom: Responding to the needs of all learners*. ASCD.
- Trần Thị Tuyết. (2021). Vận dụng mô hình dạy học 5E trong giảng dạy STEM ở trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 495, tr.41-45.
- Vũ Khánh Quý & Bùi Trung Thành. (2023). Trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số trong giáo dục Việt Nam: Cơ hội và thách thức. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 15(2), tr.101-108.
- Webb, N. L. (2002). *Depth-of-knowledge levels for four content areas*. Wisconsin Center for Education Research.
- Zawacki-Richter, O., Marín, V. I., Bond, M. & Gouverneur, F. (2019). Systematic review of research on artificial intelligence applications in higher education - Where are the educators? *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 16(1), pp.1-27.

THE CHARACTERISTICS OF HEDGING EXPRESSIONS IN SELECTED WORKS OF NGUYEN CONG HOAN AND THEIR APPLICATIONS IN SCHOOL TEACHING

Dao Thi Minh Ngoc

Email: ngocdtm@dhhp.edu.vn

Hai Phong University
171 Phan Dang Luu street, Phu Lien ward,
Hai Phong City, Vietnam

Received: 30/9/2025
Revised: 12/10/2025
Accepted: 10/12/2025
Published: 20/01/2026

Abstract: Hedging expressions are linguistic devices used to reduce misunderstandings - whether concerning content, interpersonal relationships between participants in the conversation, or the illocutionary force of the utterance - as well as to mitigate the listener's reaction to what has been said or will be said. They appear in diverse forms, and in literary works their presence often makes characters' dialogue more polite and artistically effective. This study examines hedging expressions in selected works of Nguyen Cong Hoan and identifies their potential applications in teaching Literature in schools.

Keywords: *Hedging expressions, politeness, teaching Literature, Nguyen Cong Hoan.*

ĐẶC ĐIỂM BIỂU THỨC RÀO ĐÓN TRONG MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN CÔNG HOAN VÀ VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC Ở NHÀ TRƯỜNG

Đào Thị Minh Ngọc

Email: ngocdtm@dhhp.edu.vn

Trường Đại học Hải Phòng
171 đường Phan Đăng Lưu, phường Phù Liễn,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Nhận bài: 30/9/2025
Chỉnh sửa xong: 12/10/2025
Chấp nhận đăng: 10/12/2025
Xuất bản: 20/01/2026

Tóm tắt: Biểu thức rào đón được dùng nhằm tránh hiểu lầm (hiểu lầm về nội dung, về mối quan hệ liên nhân giữa những người tham gia giao tiếp, về hiệu lực ở lời của phát ngôn) hay phản ứng của người nghe về điều mà mình đã nói hoặc sắp nói. Biểu thức rào đón có những dạng biểu hiện rất phong phú. Sự có mặt của các biểu thức chứa rào đón trong tác phẩm văn học khiến phần lớn phát ngôn hội thoại của nhân vật trở nên lịch sự, có hiệu quả nghệ thuật cao. Kết quả nghiên cứu về biểu thức rào đón xuất hiện ở một số tác phẩm của Nguyễn Công Hoan sẽ là cơ sở để vận dụng vào việc dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường.

Từ khóa: *Biểu thức rào đón, lịch sự, dạy học Ngữ văn, Nguyễn Công Hoan.*

1. Đặt vấn đề

Trong nghi thức giao tiếp hàng ngày của người Việt Nam cũng như trong tác phẩm văn chương, yếu tố rào đón xuất hiện với mật độ khá dày. Rào đón chính là một trong những công cụ để thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam. Do vậy, nghiên cứu biểu thức rào đón thực sự cần thiết đối với việc sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động hành chức của nó. Vấn đề này đã được các học giả nước ngoài quan tâm. Nhưng ở Việt Nam, qua các tài liệu tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy biểu thức rào đón xét trong tác phẩm văn học chưa được quan tâm đúng mức. Bởi thế, bài viết này chỉ ra những đặc điểm biểu thức rào đón dựa trên ngữ liệu là “*Nguyễn Công Hoan - Truyện ngắn chọn lọc*” vì chúng tôi cho rằng, biểu thức này có khả năng thể hiện rất đa dạng nhưng khi vận dụng vào tác phẩm của Nguyễn Công Hoan sẽ càng tinh tế hơn bởi ông được biết đến như một trong những bậc

thầy của việc sử dụng ngôn ngữ.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp phân tích diễn ngôn

Khi tìm hiểu biểu thức rào đón, chúng tôi xem xét nó trong mối quan hệ với các yếu tố: Ngữ cảnh (bao gồm: không gian, thời gian diễn ra hoạt động giao tiếp, mối quan hệ liên nhân giữa các nhân vật giao tiếp...), quy tắc giao tiếp... vì nhờ những yếu tố này mà hiệu lực ở lời, đích ở lời mới được hiện thực hóa. Do đó, nghiên cứu rào đón không thể tách rời các yếu tố trên.

2.2. Phương pháp miêu tả

Phương pháp miêu tả được sử dụng khi hệ thống hóa, phân loại và mô tả các dạng biểu hiện của biểu thức rào đón trong tập truyện ngắn nổi tiếng của Nguyễn Công Hoan.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái niệm rào đón và biểu thức ngữ vi rào đón

3.1.1. Rào đón

Dựa trên nguyên tắc cộng tác của Grice, George Yule cho rằng: “*Có những kiểu diễn đạt mà người nói dùng để ghi nhận rằng họ có nguy cơ là không gần bó đầy đủ với những nguyên tắc này. Những kiểu diễn đạt như thế được gọi là lời rào đón*” (Yule, 2001).

Cùng quan điểm trên, tác giả Nguyễn Thiện Giáp khẳng định thêm: “*... có những loại diễn ngôn nhất định mà người nói đã dùng để lưu ý là họ sẽ gặp nguy hiểm nếu không triệt để tôn trọng nguyên tắc hợp tác. Đó chính là những lời rào đón*” (Nguyễn Thiện Giáp, 2000, tr.131).

Theo nguồn tư liệu chúng tôi khảo sát, rào đón là một hành động ngôn ngữ: “*Nói có tính chất để ngừa trước sự hiểu nhầm hay phản ứng về điều mình sắp nói*” (Hoàng Phê, 1994).

3.1.2. Biểu thức ngữ vi rào đón

Tác giả Đỗ Hữu Châu cho rằng: “*Phát ngôn ngữ vi có một kết cấu lõi đặc trưng cho hành vi ở lời tạo ra nó. Kết cấu lõi đó được gọi là biểu thức ngữ vi*” (Đỗ Hữu Châu, 2001).

Một biểu thức ngữ vi được đánh dấu bằng các dấu hiệu chỉ dẫn, nhờ những dấu hiệu này mà các biểu thức ngữ vi phân biệt với nhau. Searle gọi các dấu hiệu này là các *phương tiện chỉ dẫn hiệu lực ở lời* hay *các dấu hiệu ngữ vi*. Cũng theo tác giả, đóng vai trò các phương tiện chỉ dẫn hiệu lực ở lời là: 1) Các kiểu kết cấu; 2) Những từ ngữ chuyên dụng trong các biểu thức ngữ vi; 3) Ngữ điệu; 4) Quan hệ giữa các thành tố trong cấu trúc vị từ - tham thể tạo nên nội dung mệnh đề được nêu trong biểu thức ngữ vi với các nhân tố của ngữ cảnh; 5) Động từ ngữ vi.

Trong ngôn ngữ học, rào đón là một động từ nói năng chỉ được dùng theo chức năng miêu tả mà không được dùng với chức năng ngữ vi; do đó biểu thức ngữ vi của hành động rào đón được hiểu là biểu thức ngữ vi nguyên cấp, gọi chung là biểu thức rào đón. Xét theo cấu tạo ngữ pháp, biểu thức rào đón có thể là một từ, một cụm từ, một câu hoặc một chuỗi câu.

3.2. Biểu thức rào đón trong một số truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan

Dựa vào kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy có một số dạng biểu thức rào đón phổ biến trong tiếng Việt như sau:

Bảng 1: Số lượng biểu thức rào đón trong tác phẩm của Nguyễn Công Hoan

Thứ tự	Biểu thức rào đón	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Biểu thức rào đón có cấu tạo là từ	313	44,7
2	Biểu thức rào đón có cấu tạo là cụm từ	346	49,4
3	Biểu thức rào đón có cấu tạo tương đương một kết cấu chủ - vị	41	5,9
Tổng		700	100

Bảng phân loại trên đây cho thấy tần số xuất hiện không đồng đều của các biểu thức rào đón trong tác phẩm văn học của Nguyễn Công Hoan. Biểu thức rào đón do cụm từ đảm nhiệm rất thông dụng, chiếm 49,4%. Tiếp theo, tỉ lệ xuất hiện ít hơn là biểu thức rào đón có dạng từ. Biểu thức rào đón có kết cấu chủ - vị có số lượng nhỏ nhất, chiếm 5,9 %. Các biểu thức rào đón sẽ được cụ thể hóa trong các phần dưới đây:

3.2.1. Biểu thức rào đón có cấu tạo là từ

Như đã trình bày ở trên, một trong những phương tiện chỉ dẫn hiệu lực ở lời là nhóm từ ngữ chuyên dụng trong các biểu thức ngữ vi. Nhóm từ này theo tác giả Đỗ Hữu Châu thường để tổ chức các kết cấu và là dấu hiệu mà nhờ đó hành động ngôn ngữ được thực hiện. Theo nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy biểu thức rào đón do từ đảm nhiệm bao gồm:

- *Biểu thức rào đón được cấu tạo là một từ đơn* (Ví dụ: này, khoảng, độ, chừng, ngót, hơn, chắc, à, lay, thưa...). Đây là nhóm từ khá phổ biến với tần số trung bình (206 trường hợp, chiếm 29,4 %). Hầu hết những biểu thức này được người nói vận dụng để thực hiện phương châm rào đón về lượng và chất. Ví dụ:

(1) - *Này, tôi bảo cho anh biết, tôi tuy nghèo thật, nhưng tôi lấy của anh để tôi phải tội lỗi mất ra à?* (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.156).

(2) *Tôi nói thế, chứ chắc chả đời nào cậu lại phụ lòng yêu của tôi nhỉ!* (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.108).

- *Biểu thức rào đón được cấu tạo bằng một từ ghép*. Chúng có thể là từ ghép đẳng lập hoặc từ ghép chính phụ. Về mặt từ loại, biểu thức rào đón thường là động từ ngữ vi: *Nhân tiện, đại khái, thành thật, làm ơn, làm phúc, làm phiền, cảm phiền, xin lỗi, cảm ơn, bố thí...* Mặc dù nhóm từ này biểu hiện khá đa dạng nhưng thực tế trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan, chúng tôi

thấy số lượng của chúng không lớn (106 trường hợp, chiếm 15,1%). Các nhân vật sử dụng một trong số những từ ghép trên nhằm thực hiện rào đón phương châm *lịch sự*. Ví dụ:

(3) Bây giờ thóc được giá, tôi nhờ bà chị làm ơn bán hộ chỗ thóc tôi gửi (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.419).

(4) Cẩn cỗ lạy bà, con đói khát, bà làm phúc thí bỏ cho con đồng com bát cháo (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.112).

Trong giao tiếp, khi hỏi thăm, van xin hoặc đề nghị ai làm một việc gì nghĩa là thực hiện một hành động đe dọa thể diện (Face Threatening Acts), người nói có thể rào đón bằng việc sử dụng một trong các từ ngữ hướng tới việc đề cao, tôn trọng thể diện người nghe, giảm hiệu lực của các hành động đe dọa thể diện. Có thể nói, trong nhóm các động từ tình thái tiếng Việt, động từ *xin lỗi* sử dụng phần lớn trong văn cảnh khi người nói thực hiện một điều gì đó mà họ cho rằng gây ra phiền phức cho người đối thoại. Khi đưa vào biểu thức rào đón, đặc biệt đi kèm với hành động cầu khiến thì *xin lỗi* có tác dụng giảm bớt mức độ tổn thất, tăng yếu tố lịch sự. Ví dụ:

(5) - Y hèn. Đúng tám giờ. Không sai một phút.

- Thế thì chúng em *xin lỗi* các anh nhé. Chín giờ bắt đầu đi cũng được. Xe nhà, sợ gì. Đừng chê chúng em là rùa nhé (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.238).

- *Biểu thức rào đón được cấu tạo bằng một từ láy/dạng láy* (Ví dụ: nói đi nói lại, nhắc đi nhắc lại, dặn đi dặn lại, cẩn cỗ cẩn rúc...).

(6) Chúng bay tẻ quá! Tao đã *dặn đi dặn lại* bao nhiêu lần rằng đi qua chỗ bãi cỏ thì phải có ý tứ, mà chúng bay không nghe (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.215).

(7) Con *cẩn cỗ cẩn rúc* lạy các ông các bà, con chừa rồi. Đừng bắt con bỏ bóp. Con sợ lắm! (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.245).

3.2.2. Biểu thức rào đón do cụm từ đảm nhiệm

Cụm từ là những kiến trúc gồm 2 từ trở lên kết hợp tự do với nhau theo những quan hệ ngữ pháp hiển hiện nhất định và không chứa quan hệ từ ở đầu (để chỉ chức vụ ngữ pháp của kiến trúc này) (Diệp Quang Ban, 2000). Xét mối quan hệ giữa các thành tố trong cụm từ, có thể chia biểu thức rào đón được cấu tạo bằng một cụm từ thành những tiểu loại khác nhau. Dựa vào sự kết hợp chặt chẽ hay lỏng lẻo của các thành tố trong cụm từ, có thể chia chúng thành 2 tiểu loại:

a. *Biểu thức rào đón được cấu tạo bằng một cụm từ tự do*

- Biểu thức rào đón có thể cấu tạo bằng một cụm từ tự do với từ “nếu” đứng đầu. Qua 74 truyện ngắn, chúng tôi nhận thấy có các cụm từ tự do xuất hiện kiểu như: *Nếu A nhờ B, nếu A có thương B, nếu bây giờ A bỏ B, nếu chẳng may A, nếu A có bận, nếu A là B...* Các biểu thức rào đón này nêu ra tiền đề là hành động sẽ chỉ được thực hiện trong điều kiện có lợi và đưa ra những giải pháp hợp lý để người nghe suy nghĩ. Vì nếu thực tế không đúng như điều kiện nêu ra (chẳng hạn, người nghe không đồng ý, không muốn thực hiện hoặc cảm thấy bất lợi...) thì người nghe hoàn toàn có thể từ chối lời đề nghị của người nói. Ví dụ:

(8) - Con hỏi câu này, *nếu không phải*, cậu bỏ ngoài tai nhé! (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.362).

(9) - Nói đổ xuống sông xuống biển, *nếu chẳng may cụ có việc gì*, xin ngài cứ tin cậy ở tôi (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.295).

- Biểu thức rào đón còn do một tổ hợp các từ tình thái đảm nhiệm như: có lẽ, hình như, chẳng lẽ, phỏng chừng, ... Cần nói thêm, đối với các sự tình luôn cần phải có sự rào đón thường xuyên, lặp đi lặp lại khi giao tiếp theo phong tục, tập quán, tâm lí hay văn hóa của người Việt nói riêng, của các dân tộc nói chung, thì hàm ý rào đón thường được từ ngữ hóa để tiện cho việc sử dụng. Khi đó biểu thức rào đón có cấu tạo ngữ pháp tối giản chỉ gồm một cụm từ cố định có chức năng tương đương như một từ. Ngoài ra, các cụm từ như kể trên thường được dùng để khẳng định việc người nói chưa nắm rõ thông tin, chưa có căn cứ chính xác về điều mình đã nói hoặc sắp nói ra. Ví như:

(10) Quái, Lê Văn Tâm, *hình như* hần là con một nhà thầu khoán thì phải (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.265).

(11) Chắc *có lẽ* nó giảng cho vợ nó nghe (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.108).

- Biểu thức rào đón có cấu tạo là những cụm từ tự do khác. Ở một số ngữ cảnh cụ thể, các nhân vật đã thiết lập nhiều dạng biểu thức rào đón khác nhau để thực hiện ý đồ giao tiếp, chẳng hạn:

(12) - Thế mới biết Tây người ta nói “phú quý sinh chữ nghĩa” là phải. *Chẳng giấu gì ông*, từ ngày đánh bạn với quan nhà tôi mới được học (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.185).

b. *Biểu thức rào đón được cấu tạo bằng một cụm từ cố định*

Tham gia cấu tạo biểu thức rào đón ở nhóm này

đa phần là các quán ngữ. Trong cuốn “Từ vựng học tiếng Việt hiện đại”, tác giả Nguyễn Văn Tu nhấn mạnh: “Trong tiếng Việt có một số từ rất gần với từ tổ tự do nhưng tương đối ổn định về kết cấu, được quen dùng mà các từ tạo ra chúng còn giữ tính chất độc lập, có khi một từ trong đó có thể thay thế bằng một từ khác. Nghĩa của từ tổ được thể hiện qua nghĩa đen hay nghĩa bóng của những từ thành tố của chúng. Sở dĩ có thể quy những từ tổ này vào từ tổ cố định vì so với các loại từ tổ tự do, quan hệ giữa các từ tương đối ổn định. Theo truyền thống những từ trong những từ tổ này gắn với nhau và được quen dùng” (Nguyễn Văn Tu, 1986).

Theo thống kê, số lượng quán ngữ trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan là 79 trường hợp (chiếm 11,2%). Chúng có những dạng thường gặp như sau:

- Cụm từ cố định tạo ra biểu thức rào đón thường chứa các động từ liên quan đến hành động nói năng theo mô hình “*Nói / hỏi + X*”. Chúng tôi thấy sự có mặt của biểu thức rào đón thể hiện vốn hiểu biết của người nói đối với hành động ngôn ngữ trong tương quan với chuẩn mực văn hóa của người bản ngữ. Chẳng hạn việc khen một đứa trẻ phát triển tốt là điều không nên, bởi người ta quan niệm rằng những lời khen đó sẽ mang điều trái ngược, đứa bé sẽ trở nên lười ăn, đang bụ bẫm trở nên còi cọc... Vì thế, người khen thường có những biểu thức rào đón kiểu: *Nói đổ xuống sông xuống biển, nói trộm vía, nói trộm bóng...* Ví dụ:

(13) *Nói trộm bóng*, từ ngày nó lên bốn, nó như con chó ấy. Hóm đảo đẽ! (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.41).

Trong một ngữ cảnh khác, người Việt Nam lại quan niệm nếu lỡ nói ra điều gì đó không hay thì điều đó sẽ dễ bị biến thành sự thật, vì vậy mới xuất hiện những biểu thức rào đón như: *Nói đùa, nói/ hỏi thực, nói đại, nói đại mồm đại miệng, nói trước bước không qua...* Người lịch sự sẽ phải tránh nói ra những điều thô tục, những vấn đề tế nhị, nếu buộc phải nhắc đến thì thường dùng những biểu thức rào đón: *Hỏi/ nói khì không phải, nói vô phép, nói xin lỗi...* Ví dụ:

(14) Con *hỏi khì không phải*, có người bảo ông Phán lấy tiền của con, thật hay dối, hở cậu? (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.295).

- Quán ngữ có mô hình “*Nghe + X*”. Giá trị rào đón này của mô hình này được lấy từ ý nghĩa của cụm từ dạng *nghe nói hoặc nghe một người nào đó nói*. Theo Từ điển tiếng Việt thì *nghe nói* hoặc *nghe đâu là tổ hợp biểu thị ý khẳng định dè dặt, dựa vào những nguồn*

tin mà mình không đảm bảo là chắc chắn. Nhóm này bao gồm các từ như: *Nghe đâu, nghe đồn, nghe phong thanh ...* Bởi thế, khi người nói sử dụng nhóm quán ngữ này nhằm mục đích báo trước cho người nghe rằng nội dung thông tin trong phát ngôn là của lời của người khác đồng thời hàm ý người nói không có trách nhiệm về tính chính xác của thông tin:

(15) *Tôi nghe nói anh sắp lấy vợ, mà anh không cho tôi biết, không hỏi tôi* (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.179).

Ngoài ra, trong một vài tình huống, người nói sáng tạo ra một số biểu thức rào đón gần tương tự: *Người ta nói/kể/ bảo X là, có người nói là, ai cũng bảo, ai cũng khen...* giúp bộc lộ quan điểm riêng của mình được tự nhiên, làm cho người nghe không có cảm giác bị áp đặt, tạo một tâm lí thoải mái:

(16) Trong nhà táng, là quan tài, son son thép vàng rất đẹp. *Người ta bảo* sấm mất những hơn sáu chục (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.131).

- Những biểu thức rào đón kiểu: *Theo X, như X đã nói/đã bảo, như X đã biết, như mọi người biết rồi đấy, ai chả biết...* được đưa vào phát ngôn hội thoại để nhấn mạnh thông tin đã cũ hoặc khẳng định độ tin cậy, chắc chắn của thông tin thậm chí những thông tin đưa ra còn dựa trên những bài học kinh nghiệm của một cộng đồng hay những trải nghiệm của người có sự ảnh hưởng lớn để rào đón:

(17) *Kệ mày, theo lệnh quan*, tao chiếu sổ đình thì lần này đến lượt mày rồi (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.455).

(18) *Theo kinh nghiệm*, quyết là lụt to. Nhất là tôi nghĩ đến những điều ông Huyện trước tôi, một ông vì chênh mảng đề điều đến nỗi phải triệt hồi, một ông vì quá mẫn cán đến nỗi bị dòng nước lôi đi, thì tôi càng lo lắng cho công danh và số phận tôi quá (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.462).

(19) - *Tôi đã bảo* mình bao nhiêu lần rằng khó khăn lắm. Mình mãi đến bốn mươi tuổi mới góa chồng, con cái lại chả có, thì mình dựa vào đâu cơ chứ? (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.222).

- Những cụm từ cố định chứa biểu thức rào đón còn gắn với hành động sự cam kết, thề bồi. Các biểu thức rào đón này được sử dụng để tăng tính khẳng định, thuyết phục của thông tin trong phát ngôn bao gồm: *Trời chu đất diệt, chết không nhắm mắt, trăm sự nhờ cậy, cần rơm cần cỏ....* Trong phát ngôn chứa những biểu thức rào đón này khiến cho người nghe, dù đa nghi đến đâu cũng không thể không tin vào độ chính xác của nó. Ví dụ:

(20) - Anh van Nguyệt, nếu anh không giữ được lời hứa *xin nguyện trời tru đất diệt*. Em cứ về, cứ yên lòng (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.28).

(21) - Lạy quan lớn. Quan lớn tha cho con! Con chưa rồi. Con *thề rằng* con không làm bậy nữa. Quan lớn không cần giam con đâu (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.248).

3.2.3. Biểu thức rào đón có cấu tạo tương đương một kết cấu chủ - vị

Biểu thức rào đón không chỉ do một từ, một cụm từ đảm nhiệm mà còn có thể là một kết cấu C-V hoàn chỉnh. Loại biểu thức rào đón này ít thông dụng hơn, hay được dùng trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, mang tính cá biệt (41 trường hợp, chiếm 5,9%). Đặc điểm cá nhân cũng như nét văn hoá dân tộc của hành động rào đón có lẽ được thể hiện sâu đậm nhất ở loại biểu thức rào đón có cấu tạo ngữ pháp phức tạp này. Và chúng tôi nhận thấy biểu thức rào đón chủ yếu có 3 dạng:

a. Biểu thức rào đón có cấu tạo tương đương là một câu đơn

(22) Nay, chả nói giấu gì anh, tôi cũng đi kiếm khách từ tối đến giờ. Có *anh biết đấy*. Có gặp ai hỏi han gì đâu. Tôi định nếu có khách thì hỏi vay tiền trước để trả anh (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.57).

(23) - Tôi đã bảo cậu mà!

- Thì tôi đã muốn im đi, sao mợ còn cứ xui tra xui tẩn! (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.154).

(24) -Thôi, ông đừng lí sự nữa. Ông để yên cho tôi nói. Tôi cần nói dài. Ấu cũng là một bài học về nhà nghề (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.78).

b. Biểu thức rào đón có cấu tạo tương đương là một câu phức

Ví dụ:

(25) Ngài mua cuốn sách này làm gì? Tôi *mạn phép* ngài cho phép tôi xé nó đi nhé. Vì ta đọc nó sợ mắt ta bị bắn lây, ngài ạ (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.260).

(26) Tao bảo mày cứ không nghe. Vừa trưa hôm nay, tao thấy mày bàn nhau với chị Nhân là vay ông cai Nhã kia mà. Nợ ai, chứ nợ lão ấy thì khổ đấy, con ạ (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.469).

c. Biểu thức rào đón có cấu tạo tương đương là một câu ghép

- Biểu thức rào đón có thể là 1 câu ghép chính phụ trong đó có các vế câu có quan hệ giả thiết - kết quả:

(27) Nếu được thế thì chúng tôi còn hân hạnh nào bằng. Nhưng dù biết trước hay biết sau, chúng tôi

cũng phải nhờ ngài một việc (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.221).

(28) Nào ai biết nó ra cơ sự thế này. *Thôi, này, tôi nói thế này thì anh nghe*. Nếu bây giờ anh bỏ tôi ở đây thì tôi không có tiền trả anh, sự ấy đã đành rồi, nhưng mà anh thiệt (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.58).

(29) Nếu *chẳng may* ông tôi có thế nào thì chúng tôi để ông tôi ở *nghĩa trang hội Hợp Thiện* (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.293).

- Biểu thức rào đón có cấu tạo tương đương là một câu ghép chuỗi

(30) - Vàng! Vàng! Tôi *lạy cậu, tôi xin đi* (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.337).

(31) - *Cháu lạy ông, vợ chồng cháu có thất thố điều gì, xin ông bỏ quá đi, ông đừng để bụng* (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.154).

Bên cạnh đó, trong tác phẩm của Nguyễn Công Hoan người đọc còn gặp một số kết cấu câu ghép chứa biểu thức rào đón dạng: A (người nói) coi B (người nghe) như người nhà, A biết B không bằng lòng/ B sẽ giận, A nói thế B đừng giận...

(32) Anh rất tin cẩn hần, vì hần thật thà có một. Nội tiền nong, và chìa khóa hòm tủ, anh vẫn giao cho hần giữ. *Anh coi hần như cánh tay phải*, như người nội tướng đảm đang vậy (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.559).

(33) - *Nói thế này, anh đừng giận nhé*, chúng nó sẽ bảo chúng ta là...

- Là ăn cắp là cùng chứ gì! (Nguyễn Công Hoan, 1994, tr.386).

Việc đưa vào trong phát ngôn của mình những biểu thức rào đón kiểu trên giúp người nói rút ngắn khoảng cách xã giao với người nghe, làm cho họ cảm thấy được tôn trọng. Hơn nữa, người nghe đóng vai trò quan trọng trong mối quan hệ với người nói nên khi tiếp nhận lời rào đón, họ sẽ giảm bớt sự căng thẳng, khó chịu.

3.3. Một số vấn đề rút ra về việc dạy biểu thức rào đón cho học sinh trong nhà trường hiện nay

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 không có bài học nào cung cấp kiến thức một cách khái quát cho học sinh về hành động ngôn ngữ nói chung và biểu thức ngữ vi rào đón nói riêng. Với kết cấu bài học trong sách giáo khoa, khi dạy phần tiếng Việt, giáo viên thường dẫn dắt học sinh đi theo con đường quy nạp để hình thành các khái niệm, quy tắc và luyện tập nhằm củng cố kiến thức. Thiết nghĩ, mặc

dù Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 có nhiều bước cải tiến so với trước đây, đã kết hợp được lí thuyết với thực hành song trên thực tế, kĩ năng sử dụng ngôn ngữ của học sinh chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Theo quan điểm của chúng tôi, ở trường phổ thông, tiếng Việt không nên chỉ xem như một công cụ giao tiếp của người Việt mà còn phải coi đó là một phương thức để vận dụng vào việc phân tích, bình giảng các tác phẩm văn học. Nếu vậy, cả giáo viên lẫn học sinh cần tiếp cận bài học theo một hướng khác.

Thứ nhất, học sinh cần nhận thức sâu sắc về giá trị của tiếng Việt trong đó có các biểu thức rào đón và nâng cao kĩ năng sử dụng ngôn ngữ.

Bởi lẽ hành động rào đón đóng một vai trò quan trọng trong đời sống giao tiếp của người Việt. Ở một số tình huống cụ thể, thay vì nói thẳng (nói trực tiếp) thì người Việt lại chọn lối nói gián tiếp, lối nói lịch sự mà vẫn đạt được mục đích giao tiếp cá nhân. Người Việt luôn cân nhắc, suy nghĩ thấu đáo trước khi nói; bởi thế dạy tiếng Việt cho học sinh chính là dạy các em về nghệ thuật giao tiếp.

Thứ hai, giáo viên nên lồng ghép giữa bài học thực hành tiếng Việt và văn bản đọc hiểu.

Để làm được điều này, khi cho học sinh tiếp cận tác phẩm văn học và bài học về ngữ pháp tiếng Việt, giáo viên nên cố gắng vận dụng các kiến thức liên ngành văn học - ngôn ngữ - văn hóa để bài giảng thu hút sự chú ý của học sinh. Có thể nói, một lợi thế của giáo viên Ngữ văn khi dạy biểu thức rào đón là có thể khai thác ngữ liệu trong kho tàng những tác phẩm của nhiều nhà văn nổi tiếng thuộc các giai đoạn khác nhau, tiêu biểu như Nguyễn Công Hoan để giúp học sinh suy ngẫm, lí giải về ý nghĩa của ngôn từ tiếng Việt, qua đó khai thác được hết các tầng lớp nghĩa của văn bản, cho học sinh có cái nhìn đa chiều về tác giả - tác phẩm và tư duy của người Việt.

Chẳng hạn, khi dạy bài “Thành ngữ” (Bùi Mạnh Hùng & cộng sự, 2021, tr.10), ở phần khởi động, giáo viên có thể thông qua một số đoạn hội thoại giữa các nhân vật trong tác phẩm đã dạy, chỉ ra những biểu thức rào đón xuất hiện. Sau đó giáo viên dành thời gian để kiểm tra vốn hiểu biết của học sinh về cách nói rào đón trong giao tiếp người Việt. Kết quả phân kiến thức này của học sinh lớp 7 bị hạn chế. Khi đó, giáo viên bắt đầu cung cấp cho học sinh những đặc điểm, ý nghĩa về biểu thức rào đón được vận dụng trong ca dao Việt Nam như: *Người khôn đón trước rào*

sau, để cho người dại biết đầu mà dò; Ăn có nhai, nói có nghĩ hay Kim vàng ai nỡ uốn câu, người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời...

Mặt khác, luyện tập thực hành với phần nội dung biểu thức rào đón có tác dụng làm cho học sinh nắm vững, hiểu sâu sắc khái niệm. Từ đó, học sinh có điều kiện tự mình tái hiện lại kiến thức, vận dụng tri thức vào giải quyết các biểu thức rào đón trong ngôn ngữ và lời nói. Sau đây chúng tôi xin được điểm qua một số dạng bài tập thường gặp khi dạy biểu thức rào đón:

- Bài tập nhận diện các dạng khác nhau của biểu thức rào đón trong câu, đoạn văn, văn bản. Đây là loại bài tập yêu cầu thấp nhất nhằm làm cho học sinh nhớ lại kiến thức đã học.

- Bài tập tái hiện là loại bài tập học sinh phải tự tìm ra các ví dụ minh họa biểu thức rào đón trên cơ sở vốn ngôn ngữ của mình.

- Bài tập phân loại, quy loại nhằm kiểm tra năng lực khái quát hóa các hiện tượng rào đón. Loại bài tập này buộc học sinh phải huy động hiểu biết trong một phạm vi tương đối rộng nhằm so sánh đối chiếu các hiện tượng để quy chúng về từng nhóm.

- Bài tập điền từ, cụm từ, câu và thay thế các biểu thức rào đón.

- Bài tập phân tích giá trị biểu đạt của các biểu thức rào đón trong tác phẩm văn học.

- Bài tập tổng hợp

Một ví dụ khác, khi dạy bài *Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu* (Bùi Mạnh Hùng & cộng sự, 2022, tr.113), giáo viên có thể sử dụng kiến thức mà học sinh đã học ở lớp trước để liên hệ, lồng ghép nội dung biểu thức rào đón vào bài học nhằm giúp các em hiểu sâu về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn bằng các loại bài tập sau:

Xác định và giải thích ý nghĩa của các biểu thức rào đón trong các câu dưới đây. So sánh để tìm ra điểm khác nhau về nghĩa giữa chúng?

a. Nói trộm vía, cháu bé xinh quá!

b. Em hỏi khí không phải, hôm nay anh có bận không ạ?

c. Bác làm ơn chỉ đường cho cháu đến Nhà hát lớn thành phố ạ?

d. Vì coi bạn như người thân nên tôi chẳng giấu gì bạn, nhà tôi nghèo lắm.

Tóm lại, bài viết này không bàn sâu về phương pháp giảng dạy biểu thức rào đón trong tiếng Việt ở nhà trường mà chỉ nhấn mạnh giá trị biểu đạt của

biểu thức ngôn ngữ khi được đặt trong giao tiếp. Hơn nữa, vấn đề dùng biểu thức rào đón một cách thích hợp nhưng linh hoạt, sáng tạo sẽ làm gia tăng chất văn hóa, lịch sự và cả hiệu quả giao tiếp ngôn ngữ sẽ được chúng tôi bàn ở một dịp khác.

4. Kết luận

Trong bài báo, chúng tôi tập trung trình bày đặc điểm của biểu thức rào đón trong 74 truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Công Hoan. Biểu thức rào đón cấu tạo ở dạng tối giản chỉ là một từ, có thể là một cụm từ hoặc câu. Cách sử dụng biểu thức ngôn ngữ của nhà văn rất hấp dẫn, phong phú nhưng do dung

lượng bài viết có hạn, chúng tôi chỉ phân tích một số biểu thức rào đón tiêu biểu để làm nổi bật giá trị của chúng trong tác phẩm văn học. Qua đó, bài viết góp phần khẳng định: Trong giao tiếp nghi thức và phi nghi thức, người Việt Nam thường nói những lời rào đón trước khi bước vào một nội dung thông báo chính thức. Đó là sản phẩm của lối sống trọng tình cảm và coi trọng các mối quan hệ. Sự xuất hiện của các hành động rào đón khiến cho lời người nói trở nên vòng vo nhưng bù lại cả người nói và người nghe đều cảm thấy nhờ chúng mà hoạt động giao tiếp trở nên dễ dàng, hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi & Đặng Lưu. (2021). *Ngữ văn 7, tập 2, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt & Nguyễn Thị Minh Hương. (2022). *Ngữ văn 8, tập 2, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Diệp Quang Ban (chủ biên) & Hoàng Dân. (2000). *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.34.
- Đỗ Hữu Châu. (2001). *Đại cương ngôn ngữ học, tập 2 (phần Ngữ dụng học)*. NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.91.
- Hoàng Phê (Chủ biên). (1994). *Từ điển tiếng Việt*. Trung tâm Từ điển học, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.821.
- Nguyễn Công Hoan. (2005). *Nguyễn Công Hoan - Truyện ngắn chọn lọc*. NXB Văn học, Hà Nội.
- Nguyễn Thiện Giáp. (2000). *Dụng học Việt ngữ*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.131.
- Nguyễn Văn Tu. (1986). *Từ vựng học tiếng Việt hiện đại*. NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.143.
- Yule G. (2001). *Dụng học* (Nhóm biên dịch: Hồng Nhâm, Trúc Thanh, Ái Nguyên, Diệp Quang Ban). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.42.